

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 96/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị B**; Địa chỉ: Số 1226/5/12A, đường Quốc Lộ 1, khóm 2, phường 10, thành phố S, tỉnh S.

- Bị đơn: Ông **Triệu N**; Địa chỉ: Số 1226/5/12A, đường Quốc Lộ 1, khóm 2, phường 10, thành phố S, tỉnh S.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1). Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị B**; Địa chỉ: Số 1226/5/12A, đường Quốc Lộ 1, khóm 2, phường 10, thành phố S, tỉnh S.

- Bị đơn: Ông **Triệu N**; Địa chỉ: Số 1226/5/12A, đường Quốc Lộ 1, khóm 2, phường 10, thành phố S, tỉnh S.

2) Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị B và ông Triệu N đồng ý thuận tình ly hôn.

2.2) Về con chung: Bà Trần Thị B và ông Triệu N thống nhất sau khi ly hôn giao cháu Triệu Trần T, sinh ngày 04/8/2009; Triệu Trần T, sinh ngày 25/11/2012 cho bà Trần Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T, cháu T đủ 18 tuổi và ông N không cấp dưỡng cho cháu Tuấn, cháu T. Còn cháu Triệu Trần

T, sinh ngày 02/10/2007 giao cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi và bà B không cấp dưỡng cho cháu T.

2.3) Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị B và ông Triệu N đều thống nhất thỏa thuận không bên nào phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Nguyên đơn bà Trần Thị B được **quyền thăm nom con chung tên** Triệu Trần T theo quy định của pháp luật, **không ai được quyền cản trở bà B thực hiện quyền này.**

Bị đơn ông Triệu N được **quyền thăm nom con chung tên** Triệu Trần T, Triệu Trần T theo quy định của pháp luật, **không ai được quyền cản trở ông N thực hiện quyền này.**

2.4) Về tài sản chung: Bà Trần Thị B và ông Triệu N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2.5) Về nợ chung: Bà Trần Thị B và ông Triệu N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2.6) Về án phí dân sự sơ thẩm 150.000 đồng, bà Trần Thị B đồng ý chịu toàn bộ nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị B đã nộp theo biên lai thu số 0001686 ngày 27/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S. Hoàn trả cho bà Trần Thị B số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 150.000 đồng.

3). Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh S;
- VKSNDTP S;
- Chi cục THADS - TPST;
- UBND phường 10, TPST ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Định